

---

# NHU CẦU THAM VẤN CỦA SINH VIÊN HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN THANH\*

**Tóm tắt:** Mong muốn được hỗ trợ về tâm lý để giải tỏa những băn khoăn, lo lắng, căng thẳng cũng như tìm cách giải quyết những khó khăn là nhu cầu hết sức cần thiết của sinh viên khi bước chân vào trường Đại học. Nghiên cứu mô tả cắt ngang nhằm tìm hiểu và phân tích nhu cầu tham vấn tâm lý của 131 sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam. Sinh viên từ năm nhất đến năm thứ tư đang học tại học viện với các chuyên ngành khác nhau như công tác xã hội, luật và truyền thông đa phương tiện... do đặc thù cơ sở đào tạo nên số lượng sinh viên nữ trong nghiên cứu nhiều hơn sinh viên nam. Kết quả cho thấy: sinh viên có nhu cầu được tham vấn về học tập; phát triển năng lực cá nhân và định hướng nghề nghiệp; trong quan hệ xã hội và các hỗ trợ khác trong sinh hoạt. Các em mong muốn tham vấn qua mạng xã hội kết hợp với tham vấn trực tiếp với từng cá nhân bởi các chuyên gia tham vấn tin cậy, đảm bảo bí mật, vào bất kì thời điểm nào khi có nhu cầu, tại phòng dành riêng cho công tác tham vấn. Hầu hết sinh viên đều cho rằng việc thành lập phòng tham vấn là cần thiết và rất cần thiết đặc biệt là sinh viên năm nhất giúp các em vượt qua những khó khăn trong chặng đường đầu tiên ở đại học.

**Từ khóa:** Tham vấn, nhu cầu tham vấn, sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam.

**Abstract:** The desire for psychological support to relieve anxiety, worry, stress as well as find ways to solve difficulties is a very necessary need of students when entering the University. A cross-sectional descriptive research is aimed at studying and analyzing the psychological counseling needs of 131 students of the Vietnam Women's Academy who are students from the first to the fourth year studying in different majors such as Social Work, Law and Multi Media and Communication. Due to the specificity of the training institution, the number of female students in research is higher than male students. The results show that: Students need to be consulted about learning; developing personal capacity and career orientation; in social relations and other supports in daily life. They wish to consult via social networks in combination with one-on-one consultations with individuals by trusted counselors, ensuring confidentiality, at any time when needed, in the room exclusively for consultations. Most students think that the establishment of a counseling room is very necessary, especially for freshmen to help them overcome difficulties in the first stage of university.

**Keywords:** Consultation, consultation needs, students of Vietnam Women's Academy.

---

\* Học viện Phụ nữ Việt Nam

Ngày nhận bài: 04/1/2022; Ngày phản biện: 15/2/2022; Ngày duyệt đăng: 4/5/2022

## Đặt vấn đề:

Bước vào ngưỡng cửa đại học trở thành sinh viên phần lớn là học sinh đang thực hiện bước chuyển tiếp từ môi trường học tập ở phổ thông sang môi trường học tập ở bậc đại học. Bên cạnh những áp lực trong học tập, sinh viên còn phải đối mặt với nhiều thách thức từ cuộc sống vì môi trường hoàn toàn mới khiến cho các em lúng túng và gặp khó khăn trong việc định hướng nghề nghiệp... thậm chí không còn hứng thú với nghề mình đã chọn (Chu Thị Hương Nga, 2010). *Để giảm thiểu các khó khăn trong quá trình học tập của người học, hoạt động tham vấn tâm lý trong nhà trường đóng vai trò đặc biệt quan trọng.*

## 1. Cơ sở lý luận

Nghiên cứu về nhu cầu tham vấn tâm lý cho sinh viên đã được nhiều tác giả trong nước quan tâm ở các khía cạnh khác nhau. Một số công trình nghiên cứu đi sâu đánh giá thực trạng nhu cầu tham vấn của học sinh, sinh viên như nhu cầu tham vấn của học sinh rất lớn nhưng lực lượng tham vấn chủ yếu là giáo viên (ĐH Sư phạm Hà Nội, 2005); học sinh, sinh viên cần tham vấn về vấn đề học tập chiếm 76%; về vấn đề tình yêu 78% và vấn đề việc làm 80% (Bùi Thị Xuân Mai, 2006). Năm 2006 tác giả Bùi Thị Xuân Mai, Trường Đại học Lao động - Xã hội thực hiện nghiên cứu về *“Thực trạng nhu cầu tham vấn của học sinh, sinh viên”*. Kết quả chỉ ra, Tác giả Chu Thị Hương Nga nghiên cứu về *“Nhu cầu tham vấn tâm lý của sinh viên ở một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội”* (được trích dẫn bởi Bùi Thị Thoa, 2020)... Những nghiên cứu này chỉ ra rằng mặc dù học sinh, sinh viên có nhu cầu tham vấn xuất phát từ những khó khăn tâm lý đối với sinh viên như vấn đề giới tính, sức khỏe sinh sản, môi trường, ma túy học đường, bắt nạt, bạo lực học đường... nhưng khả năng đáp ứng của tham vấn học đường còn chưa tương xứng và chưa thực sự chuyên nghiệp.

Một số nghiên cứu khác tập trung vào những đề xuất và thử nghiệm một số biện pháp, mô hình tham vấn như Xây dựng và phát triển tâm lý học đường tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội và một số đề xuất về đào tạo cán bộ tâm lý học đường tại Việt Nam (Trần Lệ Thu, 2010). Hội nghị quốc tế lần thứ 2 về tâm lý học đường được tổ chức tại ĐHSP - ĐH Huế (2011) đã đánh giá thực trạng nhu cầu tham vấn của học sinh, sinh viên tại Việt Nam, trao đổi kinh nghiệm, đề xuất mô hình tham vấn học đường, kiến nghị về sự cần thiết mở phòng tâm lý học đường đáp ứng nhu cầu tham vấn của học sinh, sinh viên hiện nay... Nhìn chung, tham vấn cũng đã xuất hiện từ khá sớm đang dần trở nên phổ biến ở Việt Nam tuy nhiên hoạt động này còn thiếu về số lượng cũng như chất lượng. Những nghiên cứu sâu về nhu cầu sử dụng dịch vụ tham vấn tâm lý của sinh viên thực sự chưa nhiều.

Học viện Phụ nữ Việt Nam là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có chức năng nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, cùng cán bộ nữ cho các hệ thống chính trị. Ngoài ra, Học viện còn đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cấp để đáp ứng được nhu cầu từ xã hội với một số

---

chuyên ngành khoa học xã hội, kinh tế, công nghệ thông tin... Số sinh viên nữ chiếm tỷ lệ lớn ở các ngành học vì vậy, nữ sinh viên có thể sẽ gặp nhiều những khó khăn “nhất định” so với nam sinh viên. Bên cạnh khó khăn trong việc thay đổi môi trường học tập, định hướng nghề nghiệp thì những năm qua một số sinh viên do gặp khó trong tiếp cận với kiến thức chăm sóc sức khỏe sinh sản, tình yêu, tình dục an toàn... nên một số sinh viên nữ mang thai ngoài ý muốn khiến các em lo lắng, sợ hãi và một số em đã phải bỏ học giữa chừng. Những vấn đề được cho là “tế nhị” nên các em thường mong muốn được tham vấn bởi những chuyên gia uy tín, tin cậy để chia sẻ vấn đề của mình, một địa điểm tham vấn kín đáo đảm bảo tính riêng tư bằng các hình thức hiện đại trong thời đại 4.0.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng phương pháp chủ yếu là phỏng vấn bảng hỏi được thực hiện với sinh viên theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích, theo cụm (phỏng vấn sinh viên đang học tại Học viện Phụ nữ Việt Nam) với số lượng 131 sinh viên. Đồng thời kết hợp phương pháp phỏng vấn sâu một số giảng viên, cán bộ phòng Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên (15 người gồm 8 sinh viên các khóa của một số ngành, 01 cán bộ phòng Công tác sinh viên, 01 Bí thư Đoàn Thanh niên, 02 Giảng viên, 03 cố vấn học tập) đang công tác tại Học viện Phụ nữ Việt Nam nhằm tham khảo ý kiến đánh giá của các chuyên gia về các vấn đề của sinh viên thường gặp phải, đề xuất giải pháp nhằm giúp sinh viên Học viện Phụ nữ được tiếp cận và sử dụng dịch vụ tham vấn học đường.

- Khách thể nghiên cứu: 131 sinh viên gồm các ngành Công tác xã hội (23 sinh viên); Giới và phát triển (15 sinh viên); Luật (23 sinh viên); Quản trị kinh doanh (20 sinh viên); Truyền thông đa phương tiện (20 sinh viên); Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (30 sinh viên). Sinh viên năm cuối là 24,4% (32 sinh viên), năm 3 là 23,7% (31 sinh viên), năm 2 là 28,5% (37 sinh viên) và năm nhất 23,7% (31 sinh viên). Tỷ lệ nam là 10,7% (14 sinh viên), tỷ lệ nữ đạt 89,3% (với 117 sinh viên).

- Công cụ nghiên cứu bao gồm: Bảng hỏi về những vấn đề khó khăn tâm lý, về nhu cầu tham vấn, thu thập thông tin nhân khẩu. Dữ liệu sau khi thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS.

## **3. Kết quả nghiên cứu**

### **3.1. Những khó khăn tâm lý thường gặp của sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam**

Theo Nguyễn Thị Thanh Bình cho rằng “*Trở ngại tâm lý trong giao tiếp là toàn bộ những đặc điểm tâm lý cá nhân và kiểu hành vi ứng xử không phù hợp với nội dung, đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp*” (Nguyễn Thị Thanh Bình, 1996). Xem xét ở phạm vi rộng hơn, tác giả Nguyễn Thị Huệ cho rằng “*Khó khăn tâm lý là toàn bộ các yếu tố tâm lý của cá nhân nảy sinh trong quá trình hoạt động có tác động tiêu cực, gây ảnh hưởng xấu đến tiến trình và kết quả của hoạt động*”

(Nguyễn Thị Huệ, 2012). Theo tác giả, khó khăn tâm lý không chỉ được biểu hiện ở trạng thái tâm lý, phẩm chất tâm lý hay các đặc điểm nhân cách mà được biểu hiện ở toàn bộ các yếu tố tâm lý của cá nhân và những khó khăn tâm lý này gây ra trở ngại, tác động tiêu cực, làm giảm hiệu quả hoạt động của cá nhân.

Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ tập trung vào một số khó khăn: Trong học tập và định hướng nghề nghiệp; Trong sinh hoạt và quan hệ xã hội (bạn bè, thầy cô, tình yêu, gia đình) ... để từ đó đề xuất và tổ chức hoạt động tham vấn học đường nhằm đáp ứng kịp thời và hợp lý nhu cầu này cho sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam.

Bảng 3.1 Các lĩnh vực khó khăn tâm lý mà sinh viên thường gặp phải

Các lĩnh vực khó khăn	Trong học tập				Trong phát triển năng lực cá nhân, định hướng nghề nghiệp				Trong quan hệ xã hội				Trong sinh hoạt				
	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	
Mức độ	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	
<i>Khóa học</i>	Khóa 4 (năm cuối)	9,1	40,6	34,4	15,9	9,4	36,9	<b>38,1</b>	<b>15,6</b>	11,1	42,9	27,6	18,4	13,2	49,7	23,8	13,3
	Khóa 5 (năm ba)	6,5	38,7	29,0	25,8	6,5	28,3	35,9	29,3	8,9	45,1	31,0	15,0	5,2	43,8	34,7	16,3
	Khóa 6 (năm hai)	5,4	32,4	37,9	24,3	5,5	30,5	39,7	24,3	5,4	37,3	38,5	18,8	6,1	35,8	39,1	19,0
	Khóa 7 (năm nhất)	3,2	16,1	<b>45,1</b>	<b>35,5</b>	4,6	19,3	<b>41,9</b>	<b>34,2</b>	2,3	29,7	<b>54,9</b>	<b>13,1</b>	3,5	34,9	<b>39,7</b>	<b>21,9</b>
<i>Khoa/ ngành học</i>	CTXH	17,3	34,8	<b>26,1</b>	<b>21,7</b>	9,3	54,8	<b>20,5</b>	<b>15,4</b>	12,9	42,7	29,1	15,3	11,3	54,1	25,2	9,4
	Giới & PT	6,7	40,0	<b>33,3</b>	<b>20,0</b>	6,3	35,1	<b>38,2</b>	<b>20,6</b>	11,5	39,8	29,9	18,8	13,8	46,0	29,6	10,6
	Luật	8,7	30,4	<b>43,5</b>	<b>17,4</b>	5,1	39,7	<b>36,3</b>	<b>18,6</b>	9,7	48,2	24,4	17,1	12,1	43,6	27,5	16,8
	Quản trị kinh doanh	15,0	55,0	<b>20,0</b>	<b>10,0</b>	14,2	45,1	<b>29,6</b>	<b>11,1</b>	9,0	46,6	29,0	15,4	11,7	48,2	26,7	13,4
	Truyền thông đa phương tiện	10,0	35,0	<b>45,0</b>	<b>10,0</b>	4,7	36,8	<b>35,0</b>	<b>23,5</b>	8,6	43,6	32,9	14,9	9,7	50,6	29,8	9,9
	Quản trị DVĐL và lễ hành	13,4	43,3	<b>30,0</b>	<b>13,3</b>	5,4	34,1	<b>43,2</b>	<b>17,3</b>	11,4	49,7	30,5	8,4	11,4	58,3	21,4	8,9
<i>Giới tính</i>	Nam	7,1	52,9	28,5	11,5	6,2	50,5	29,7	13,6	11,4	42,9	32,7	13,0	12,2	49,1	25,5	13,2
	Nữ	5,9	40,4	32,5	21,2	8,7	36,2	48,1	7,0	5,3	43,6	32,0	19,1	6,7	36,6	47,5	9,2

Ghi chú: 1. Chưa bao giờ, 2. Thỉnh thoảng, 3. Thường xuyên, 4. Rất thường xuyên

Ở mỗi khóa học, ngành học và giới tính sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam cũng gặp những vấn đề khó khăn được biểu hiện ở mức độ khác nhau: Sinh viên khóa 7 (năm thứ nhất) có tỉ lệ gặp khó khăn trong các lĩnh vực nhiều hơn so với sinh viên năm hai, ba và năm cuối. Mức độ gặp khó khăn trong học tập (*rất thường xuyên 35,5%, thường xuyên 45,1%*), phát triển năng lực cá nhân định hướng nghề nghiệp (*rất thường xuyên 34,2%, thường xuyên*

---

41,9%), các mối quan hệ xã hội (*rất thường xuyên* 13,1%, *thường xuyên* 54,9%) và trong cuộc sống sinh hoạt (*rất thường xuyên* 21,9%, *thường xuyên* 39,7%). Nguyên nhân có thể do các em có sự thay đổi về tâm sinh lý, tư duy nhận thức, môi trường học tập, mối quan hệ xã hội ... đa dạng và phong phú hơn. Trong học tập “*Chúng em học ở phổ thông các thầy cô truyền thụ và cung cấp kiến thức là chính, nhưng khi lên đại học chúng em phải tự học, tự nghiên cứu, phải đi thư viện đọc và tham khảo nhiều nên chúng em thấy bỡ ngỡ, do vậy học kì đầu tiên điểm của chúng em chưa cao*” (Nữ, 19 tuổi, SV năm nhất ngành Công tác xã hội). Khi quen dần với phương pháp học tập, sinh viên tự tin hơn khi trao đổi với thầy cô các áp lực thi cử sẽ giảm dần khi các em trở thành sinh viên năm hai, năm ba...

Tuy nhiên, ngay cả sinh viên đang học khóa 4 (năm cuối) vẫn “*thường xuyên*” gặp khó khăn trong việc phát triển năng lực cá nhân, định hướng nghề nghiệp tương lai. “*Trong 6 tháng trở lại đây, em đang gặp khó khăn trong việc phát triển năng lực bản thân và định hướng nghề nghiệp. Em cũng không biết sau này ra trường em sẽ làm gì? Làm ở đâu có xin được việc không?*” (Nam, 22 tuổi, SV khóa 4 ngành Luật). Nhiều sinh viên trước khi chọn ngành học, chọn nghề đã chưa tìm hiểu kỹ về ngành, nghề mình sẽ học, bố mẹ và nhà trường từ bậc phổ thông lẫn đại học cũng chưa tư vấn định hướng nghề nghiệp một cách bài bản cho các em nên dẫn đến các em chọn ngành, nghề mà không biết có phù hợp với khả năng, năng lực sở trường của các em cũng như nhu cầu của xã hội nên dẫn đến sinh viên gặp khó trong định hướng phát triển nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp...

Ngoài ra, sinh viên năm nhất nhiều em đến từ các tỉnh thành khác lên Hà Nội học nên lần đầu tiên các em phải sống xa gia đình, tự lập. Việc tìm được chỗ ở an toàn không phải là điều dễ dàng do chưa có nhiều kinh nghiệm và kênh thông tin nên đã thuê nơi ở chưa an toàn như thường xuyên xảy ra mất trộm, nguồn nước ô nhiễm, điều kiện phòng trọ, điều kiện sinh hoạt khó khăn, ồn ào dẫn đến ảnh hưởng đến tâm lý, học tập và cuộc sống của các em.

Trong học tập và phát triển năng lực, định hướng nghề nghiệp, sinh viên ngành Công tác xã hội và Quản trị kinh doanh có mức độ gặp khó khăn “*thường xuyên*” và “*rất thường xuyên*” ít hơn so với sinh viên ngành Luật, Giới và phát triển, Truyền thông đa phương tiện và Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Cùng với sự vận động của xã hội nhu cầu nhân lực về lĩnh vực luật, bình đẳng giới, truyền thông, du lịch... ngày càng lớn được cho là những ngành “hot”. Sinh viên tiếp cận với các thông tin hướng nghiệp nhanh chóng qua nhiều kênh khác nhau để lựa chọn học tập rất nhiều. Tuy nhiên, để học tập tốt các ngành mới này đòi hỏi các em tư duy, năng động và có phổ kiến thức rất rộng. Vì vậy, sinh viên sẽ gặp những khó khăn nhất định trong học tập cũng như phát triển năng lực, định hướng nghề nghiệp. Khi đi vào thực hành, thực tế chuyên môn các em mới biết được năng lực của bản thân chưa đáp ứng được yêu cầu của ngành học. “*Sinh viên của học viện thường gặp một số khó*

khăn liên quan đến học tập và cuộc sống như: khả năng tiếp thu các kiến thức mới còn hạn chế; Còn e ngại trong các hoạt động cộng đồng, hoạt động nâng cao chuyên môn” (Nữ, 40 tuổi, GV Khoa Giới và phát triển). Ngành Công tác xã hội và Quản trị kinh doanh có bề dày truyền thống đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam do vậy có những điều kiện thuận lợi hơn trong học tập, phát triển năng lực và định hướng nghề nghiệp. Trong cuộc sống sinh hoạt, mối quan hệ xã hội nhìn chung giữa các ngành học sinh viên không có sự khác biệt quá nhiều về mức độ gặp khó khăn.

Về giới tính, do có sự chênh lệch nhiều từ mẫu nghiên cứu và đặc thù của Học viện Phụ nữ Việt Nam, số sinh viên nam theo học các ngành thường ít hơn rất nhiều so với sinh viên nữ. Trong số những lĩnh vực học tập, phát triển năng lực, định hướng nghề nghiệp, quan hệ xã hội và sinh hoạt hàng ngày cả nam và nữ sinh viên đều có những khó khăn “thường xuyên” và “rất thường xuyên” gặp phải như: bố mẹ kiểm soát quá chặt, áp lực thi cử, không thấy hứng thú với nghề đang học, thiếu tự tin trong giao tiếp, không biết bày tỏ tình cảm với người mình yêu, bẽ tắc khi bị người yêu phản bội... “Em đã từng thích bạn cùng lớp nhưng em không biết bày tỏ thế nào, với các bạn gái khác thì em nói chuyện rất vô tư, các bạn bảo “chém” rất ác, nhưng khi đến, đi chơi hoặc nhắn tin gọi điện với bạn mà em có ý định thì em lại không biết nói thế nào, không biết bắt đầu từ đâu, thậm chí đỏ bừng mặt, em cũng sợ nếu bày tỏ tình cảm không được bạn đồng ý sẽ ảnh hưởng đến mối quan hệ sau này của hai người” (Nam, 22 tuổi, SV khóa 4 Ngành Luật).

Trong đó, sinh viên nữ gặp những khó khăn “nhất định” như chỗ ở không an toàn bị quấy rối, nhiều nữ sinh trả lời rằng mình vẫn bị thiếu thông tin về giới tính, sức khỏe sinh sản... Theo các em đây là những vấn đề “tế nhị” dù được biết qua thầy cô, lớp kỹ năng mềm nhưng vẫn cần được sự tham vấn bởi những chuyên gia uy tín, tại phòng tham vấn hoặc những địa điểm “kín đáo” và “tuyệt đối bí mật”.

### **3.2. Nhu cầu tham vấn của sinh viên Học viện phụ nữ Việt Nam**

Trong nghiên cứu này, tham vấn được hiểu là “một quá trình trợ giúp tâm lý con người, trong đó nhà tham vấn sử dụng chính những kiến thức, áp dụng các kỹ năng chuyên môn và thêm vào đó là thái độ nghề nghiệp để có thể thiết lập được các mối quan hệ tích cực với thân chủ. Nhằm giúp đỡ thân chủ có thể nhận thức được hoàn cảnh của vấn đề để có thể thay đổi tích cực về mặt cảm xúc, suy nghĩ và hành động, tìm kiếm các giải pháp phù hợp nhất để giải quyết các vấn đề của chính mình”.

Sau khi tiến hành điều tra và phân tích số liệu về những khó khăn tâm lý mà sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam hay gặp phải, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phân tích và tổng hợp nhu cầu tham vấn về nội dung, hình thức, thời gian và địa điểm. Kết quả điều tra về nhu cầu tham vấn các lĩnh vực được thể hiện dưới đây:

### 3.2.1. Nội dung sinh viên mong muốn được tham vấn

Bảng 3.2. Nhu cầu về nội dung tham vấn của sinh viên

Nội dung tham vấn	Trong học tập				Phát triển năng lực cá nhân, định hướng nghề nghiệp				Trong quan hệ xã hội				Trong sinh hoạt				
	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	
<b>Mức độ %</b>	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	
<i>Khóa học</i>	Khóa 4 (năm cuối)	15,8	42,1	31,2	10,9	7,8	20,7	<b>39,7</b>	<b>31,8</b>	12,0	36,4	35,7	15,9	15,1	40,8	26,7	17,4
	Khóa 5 (năm ba)	9,4	38,4	33,7	18,5	8,1	27,6	41,4	22,9	5,9	31,5	40,4	22,2	12,8	39,1	30,1	18,0
	Khóa 6 (năm hai)	7,3	29,8	35,6	27,3	8,7	32,1	41,4	17,8	4,4	29,1	42,9	23,6	9,0	37,2	39,8	14,0
	Khóa 7 (năm nhất)	5,9	18,3	<b>37,5</b>	<b>38,3</b>	6,6	26,0	<b>39,1</b>	<b>28,3</b>	5,4	27,6	<b>44,1</b>	<b>22,9</b>	4,2	17,6	<b>49,1</b>	<b>29,1</b>
<i>Khoa/ ngành học</i>	CTXH	4,4	26,0	<b>43,7</b>	<b>25,9</b>	6,0	22,2	<b>42,1</b>	<b>29,7</b>	5,0	26,8	46,0	22,2	8,7	22,1	<b>41,4</b>	<b>27,8</b>
	Giới & PT	7,3	29,0	<b>40,6</b>	<b>23,1</b>	5,4	18,2	<b>49,1</b>	<b>27,3</b>	6,2	20,4	<b>50,6</b>	<b>22,8</b>	6,8	20,7	<b>49,7</b>	<b>15,6</b>
	Luật	3,9	28,3	<b>44,4</b>	<b>23,4</b>	3,5	27,6	<b>42,9</b>	<b>26,0</b>	7,2	27,6	<b>50,6</b>	<b>14,6</b>	4,2	21,4	<b>58,4</b>	<b>16,0</b>
	Quản trị kinh doanh	13,5	39,1	28,2	19,2	15,1	24,2	<b>37,6</b>	<b>23,2</b>	27,4	23,7	35,3	13,6	15,9	34,5	24,4	25,2
	Truyền thông đa phương tiện	25,2	32,8	26,0	16,0	22,7	24,5	<b>39,8</b>	<b>13,0</b>	25,0	39,8	17,6	17,6	24,4	39,1	22,9	13,6
	Quản trị DV DL và lễ hành	19,4	36,0	33,7	10,9	24,9	20,6	<b>39,1</b>	<b>15,4</b>	24,2	33,0	29,1	13,7	25,1	36,8	26,7	11,4
<i>Giới tính</i>	Nam	11,8	39,1	29,8	19,3	19,0	39,2	29,1	12,7	22,2	30,4	26,6	20,8	21,9	30,4	26,0	21,7
	Nữ	10,3	32,7	39,8	17,2	15,5	37,6	32,9	14,0	18,2	27,6	30,6	23,6	17,2	27,6	40,6	14,6

Ghi chú: 1. Không mong muốn, 2. Hơi mong muốn, 3. Mong muốn, 4. Rất mong muốn

Sinh viên có nhu cầu, mong muốn tham vấn được biểu hiện ở mức độ khác nhau:

Khảo sát cho thấy, sinh viên năm thứ nhất có mong muốn nhận được sự tham vấn thể hiện ở mức độ mong muốn và rất mong muốn được tham vấn trong học tập (*mong muốn 37,5%, rất mong muốn 38,3%*); phát triển năng lực cá nhân, định hướng nghề nghiệp (*mong muốn 39,1%, rất mong muốn 28,3%*); quan hệ xã hội (*mong muốn 44,1%, rất mong muốn 22,9%*); sinh hoạt (*mong muốn 49,1, rất mong muốn 29,1%*).

Như đã phân tích ở trên, do lên bậc đại học có sự khác biệt hơn so với bậc phổ thông về phương pháp dạy, nội dung chương trình, lượng kiến thức nhiều hơn, thậm chí có một số em còn đi làm thêm... trong khi đó sinh viên chưa tìm được phương pháp học tập phù hợp cũng như sắp xếp thời gian học, tự học khoa học, nên các em mong muốn được tham vấn cụ thể hơn về phương pháp học tập hiệu quả. "*Bản thân tôi là giảng viên và cố vấn học tập thì thấy hiện nay một số em sinh viên chưa tìm được phương pháp học tập, nhất là các sinh viên năm đầu*

tiên, nên hiệu quả học tập chưa cao” (Nữ, 34 tuổi, Cố vấn học tập ngành Quản trị dịch vụ DL và lễ hành).

Sinh viên từ năm nhất đến năm thứ 4 ở tất cả các ngành học đều có mong muốn được tham vấn để phát triển năng lực cá nhân và định hướng nghề nghiệp, việc làm sau khi tốt nghiệp. Với sự phát triển kinh tế xã hội nhanh chóng như hiện nay học sinh thường có xu hướng lựa chọn những ngành nghề đang có sức nóng với nhiều cơ hội công việc và sự hứa hẹn cao về lương, thưởng. Tuy nhiên, không phải ngành học nào ra trường cũng dễ xin việc mà yêu cầu sinh viên không chỉ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ mà phải năng động, linh hoạt và biết tin học, ngoại ngữ cũng như thành thạo các kỹ năng mềm mới có cơ hội xin việc và tìm được những việc làm phù hợp (Nguyễn Thị Kim Nhung và cộng sự, 2018).

*“Cho đến giờ phút này em học em vẫn chưa xác định được nghề nghiệp trong tương lai mình sẽ làm gì. Có thể em sẽ làm trái nghề vì em thấy em học ngành này không phù hợp với bản thân em”* (Nữ, 19 tuổi, Sinh viên khóa 7 ngành CTXH).

Đối với nhu cầu tham vấn trong mối quan hệ xã hội và sinh hoạt về cơ bản sinh viên giữa các ngành không có sự khác biệt quá lớn. Trong quan hệ xã hội các em chủ yếu mong muốn được tham vấn hỗ trợ những cách để giải quyết những khó khăn trong các mối quan hệ tình bạn và tình yêu, quan hệ xã hội trong gia đình. Trong sinh hoạt chủ yếu việc muốn được tham vấn để biết cách quản lý việc chi tiêu của bản thân và tìm được việc làm thêm phù hợp với điều kiện thời gian và sức khỏe của bản thân.

### 3.2.2. Hình thức sinh viên mong muốn được tham vấn

Tham vấn có nhiều hình thức khác nhau bởi mỗi hình thức tham vấn đều có những ưu và nhược điểm khác nhau. Vì vậy, sinh viên có thể chọn cho mình cách một hình thức tham vấn phù hợp với bản thân mình.

Để tìm hiểu về các hình thức tham vấn mà sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam mong muốn chúng tôi đã tiến hành khảo sát và thu được kết quả như sau:

Bảng 3.3: *Nhu cầu về hình thức tham vấn của sinh viên* (đơn vị: sinh viên)

Hình thức tham vấn	Thư tay	Điện thoại	E-mail	Mạng xã hội	Báo	Cá nhân	Nhóm	Gia đình
Khóa 4 (năm cuối)	19	14	20	23	9	20	6	16
Khóa 5 (năm ba)	17	12	16	21	11	17	9	14
Khóa 6 (năm hai)	15	13	11	27	10	19	11	12
Khóa 7 (năm nhất)	18	11	10	25	8	24	14	15



	Hình thức tham vấn	Thư tay	Điện thoại	E-mail	Mạng xã hội	Báo	Cá nhân	Nhóm	Gia đình
<i>Khoa/ ngành học</i>	Công tác xã hội	16	13	19	20	12	22	20	18
	Giới và phát triển	10	9	11	13	9	14	7	10
	Luật	18	11	12	20	11	20	9	13
	Quản trị kinh doanh	15	9	14	17	13	16	12	11
	Truyền thông đa phương tiện	16	20	17	19	17	15	11	10
	Quản trị dịch vụ DL và lữ hành	19	22	17	25	13	23	16	15
<i>Giới tính</i>	Nam	2	6	4	13	5	11	3	5
	Nữ	86	76	92	110	65	95	58	90
	<b>Tổng</b>	<b>251</b>	<b>216</b>	<b>243</b>	<b>306</b>	<b>180</b>	<b>296</b>	<b>176</b>	<b>229</b>
	<b>Xếp hạng</b>	<b>3</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>7</b>	<b>2</b>	<b>8</b>	<b>5</b>

Kết quả khảo sát cho thấy các sinh viên muốn tham vấn ở nhiều loại hình khác nhau. Trong đó nhiều nhất “tham vấn qua mạng xã hội Zalo, Facebook...” bởi vì trong giai đoạn hiện nay công nghệ số, internet và điện thoại thông minh rất phát triển nên hầu hết sinh viên đều có tài khoản Facebook và Zalo. Do đó, việc tham vấn qua mạng xã hội có thể giúp cho sinh viên thuận lợi hơn trong việc tham vấn như không cần đến gặp nhà tham vấn, chi phí tham vấn rẻ, thời gian tham vấn có thể linh hoạt hơn. Thứ hai là “tham vấn cá nhân” sinh viên có thể hỏi và trao đổi kĩ hơn với người làm công tác tham vấn và ngược lại người làm công tác tham vấn có thể khai thác thông tin sâu hơn từ sinh viên. Bên cạnh đó “tham vấn nhóm” là hình thức mà sinh viên ít mong muốn hơn có thể do hình thức tham vấn nhóm mang lại hiệu quả ít hơn so với tham vấn cá nhân và tham vấn qua mạng xã hội, nên sinh viên mong muốn ít hơn.

### 3.2.3. Thời gian, địa điểm sinh viên mong muốn

Thời gian và địa điểm cũng là một yếu tố quan trọng giúp các em tìm đến dịch vụ tham vấn. Khi được hỏi “Anh/chị mong muốn được tham vấn vào khoảng thời gian và địa điểm nào dưới đây? (Lựa chọn 01 phương án phù hợp nhất)” thu được kết quả như sau:

Bảng 3.4. Mong muốn về thời gian và địa điểm tham vấn của sinh viên

Thời gian và địa điểm	Số lượng (SV)	Tỷ lệ (%)
<i>Thời gian tham vấn</i>		
Buổi sáng (trong giờ hành chính)	19	14,5
Buổi chiều (trong giờ hành chính)	16	12,2
Buổi trưa (ngoài giờ hành chính)	7	5,3
Buổi tối (từ 18h-21h)	30	22,9
Buổi đêm khuya (sau 21h trở đi)	34	26,1
Bất cứ lúc nào	25	19,1
<i>Địa điểm tham vấn</i>		
Tại phòng học	11	8,4
Tại hành lang	2	1,5
Tại nơi kín đáo	35	26,7
Tại phòng công tác sinh viên	5	3,8
Tại phòng tham vấn	58	44,3
Bất cứ chỗ nào	20	15,3
Khác....	0	0

(Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2020)

Thời gian các em mong muốn nhiều nhất là “buổi đêm khuya sau 21 giờ trở đi” chiếm tỷ lệ 26,1%. Lý do trước 21 giờ các em đi học, học thêm ngoại ngữ, đi tập thể thao, đi làm thêm... nên các em mong muốn thời gian này nhiều để không bị ảnh hưởng đến việc học và làm thêm. Tiếp đó là khung giờ “buổi tối từ 18 giờ đến 21 giờ” với tỷ lệ 22,9%, khung giờ này nhiều em đã hoàn thành học chính, không đi học thêm, làm thêm và hơn nữa thời gian này các em được nghỉ ngơi nên muốn được tham vấn nhiều hơn so với các khung giờ khác. Bên cạnh đó một số sinh viên lựa chọn phương án giờ tham vấn có thể “bất cứ lúc nào” chiếm 19,1%. Điều này cho thấy các em mong muốn thời gian tham vấn linh hoạt. Khung giờ các em lựa chọn tham vấn ít nhất là “buổi trưa ngoài giờ hành chính” với tỷ lệ 5,3%.

Địa điểm các em mong muốn nhiều nhất là được tham vấn tại “phòng tham vấn” với tỷ lệ 44,3%. Bởi phòng tham vấn mới đảm bảo kín đáo, bí mật riêng tư, khiến người được tham

vấn cảm thấy an toàn và yên tâm chia sẻ về vấn đề của mình, đặc biệt với những vấn đề nhạy cảm, tế nhị, riêng tư và đảm bảo tính chuyên nghiệp của hoạt động tham vấn. Thứ hai “*nơi kín đáo*” cũng được các em mong muốn với tỷ lệ 26,7%. Tại “*phòng công tác sinh viên*” có 3,8% sinh viên mong muốn, bởi phòng công tác sinh viên là phòng làm việc nên có nhiều các cán bộ của phòng làm việc và nhiều sinh viên ra vào nên cũng khiến cho các em cảm thấy không thoải mái khi tham vấn, không đảm bảo tính bí mật riêng tư. Tương tự “*hành lang*” cũng là nơi các em ít mong muốn hơn với 1,5%.

### 3.2.4. Nhu cầu thành lập phòng tham vấn của sinh viên

Hầu hết sinh viên đều cho rằng việc thành lập phòng tham vấn tâm lý là rất cần thiết và có tới 87,7% sinh viên cho biết họ sẽ đến phòng tham vấn nếu phòng được thành lập. Để có cơ sở cho việc thành lập phòng tham vấn của Học viện phụ nữ Việt Nam trợ giúp cho sinh viên khi gặp khó khăn chúng tôi đã tiến hành khảo sát câu hỏi “*Theo anh/chi, có cần thành lập phòng tham vấn trong Học viện cho sinh viên không? (Lựa chọn 01 phương án phù hợp nhất)*” và thu được kết quả như sau:

Bảng 3.5. Đánh giá sự cần thiết của việc thành lập phòng tham vấn

	Thành lập phòng tham vấn	Rất cần thiết		Tương đối cần thiết		Có hay không cũng được		Không cần thiết	
		N	%	N	%	N	%	N	%
<i>Khóa học</i>	Khóa 4 (năm cuối)	13	40,6	11	34,4	6	18,7	2	6,3
	Khóa 5 (năm ba)	9	29,0	10	32,2	8	25,8	4	12,9
	Khóa 6 (năm 2)	11	29,7	12	38,7	8	21,6	6	16,2
	Khóa 7 (năm 1)	15	48,3	10	32,2	4	3,1	2	1,5
<i>Khoa/ ngành học</i>	Công tác xã hội	13	56,5	6	26,1	3	13,1	1	4,3
	Giới và PT	7	46,7	4	26,6	3	20,0	1	6,7
	Luật	9	39,1	6	26,1	4	17,4	4	17,4
	QTKD	7	35,0	8	40,0	3	15,0	2	10,0
	IT đa phương tiện	6	30,0	9	45,0	2	10,0	3	15,0
	QT dịch vụ DL và lữ hành	8	26,7	11	36,7	6	20,0	5	16,6
<i>Giới tính</i>	Nam	4	28,6	5	33,4	3	21,4	2	14,3
	Nữ	34	29,1	48	41,0	23	19,7	12	10,2

(Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2020)

Nhận thức về mức độ quan trọng của tham vấn học đường đối với sinh viên có sự khác biệt theo ngành học, khóa học và giới tính. Sinh viên năm nhất và sinh viên năm cuối đánh giá việc thành lập phòng tham vấn ngay tại Học viện là “*rất cần thiết*” (48,3% và 40,6%) trong khi đó sinh viên năm ba, năm hai đánh giá ở mức độ “*tương đối cần thiết*” (32,2% và 38,7%). Bên cạnh vẫn còn nhiều sinh viên cho rằng dịch vụ tham vấn “*có cũng được, không có cũng được*” điều này cho thấy sinh viên chưa nhận thức được sự cần thiết của dịch vụ tham vấn, thậm chí vẫn có sinh viên cho rằng “*không cần thiết*” qua đó cho thấy vẫn có một bộ phận sinh viên chưa nhận thức được sự cần thiết của tham vấn. Sinh viên đang theo học ngành Công tác xã hội cho rằng “*rất cần thiết*” thành lập phòng tham vấn 56,5% tiếp theo là sinh viên ngành Giới và phát triển (46,7%), Luật (39,1%). Theo lí giải của các em, trong các học phần đào tạo thì sinh viên đã được học và thực hành, thực tập về kỹ năng tham vấn.

Trong khi sinh viên các ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị kinh doanh, Truyền thông đa phương tiện cho rằng “*tương đối cần thiết*”. “*Thật sự rất cần thiết một văn phòng tham vấn cho sinh viên. Nói thật là trong quá trình học em đã từng được nhiều bạn bè, anh chị nhắn tin để trò chuyện, nhờ giúp đỡ về tinh thần, hay đơn giản là ngồi lắng nghe câu chuyện, tâm tư. Vậy nên một cơ sở đào tạo như học viện mình cần ít nhất 1 phòng tham vấn, và các lĩnh vực khác nhau. Ví dụ về chăm sóc sức khỏe tình dục, hỗ trợ về Giới, tham vấn tâm lý... Thực sự các sinh viên có thể trải nghiệm làm việc ở ngay phòng tham vấn, có các giảng viên là chuyên gia hỗ trợ*” (Nữ, 21 tuổi, Sinh viên khóa 5 ngành Giới và phát triển).

Cùng quan điểm với sinh viên, giảng viên cũng cho rằng cần thành lập phòng tham vấn tại Học viện: “*Nên thành lập bộ phận tham vấn học đường hoặc tùy vào quy mô của trường để thành lập phòng tham vấn học đường cho sinh viên. Tùy vào quy mô của trường để lựa chọn nhân sự 01 nhân viên tham vấn đến phòng có đủ các vị trí; chuyên ngành tuyển cho vị trí này: CTXH, Tâm lý, Tham vấn*” (Nam, 33 tuổi, Bí thư Đoàn Thanh niên).

Sinh viên rất mong muốn người làm công tác tham vấn cần đảm bảo bí mật thông tin của người đến tham vấn và có hiểu biết sâu rộng về các vấn đề xã hội và tâm lý. “*Theo em đánh giá, người có thể làm tốt công tác tham vấn cho sinh viên ở trường học đó chính là các thầy cô ở khoa Công tác xã hội. Vì các thầy cô ở Khoa Công tác xã hội thường là những thầy cô đã được đào tạo bài bản và có chuyên môn cao về tham vấn. Nếu các thầy cô ở khoa Công tác xã hội trực tiếp làm công tác tham vấn cho sinh viên thì chắc chắn sẽ đạt được hiệu quả rất cao trong công tác tham vấn sinh viên*” (Nữ, 19 tuổi, Sinh viên khóa 7 ngành CTXH).

Ngoài những điều kiện trên sinh viên còn kiến nghị phải quan tâm đến việc xây dựng, bố trí các địa điểm, trung tâm tham vấn, văn phòng tham vấn thuận tiện, phù hợp với văn hóa của người Việt Nam... Có như vậy, mới góp phần duy trì và thúc đẩy nhu cầu tham vấn của tất cả mọi người trong đó có sinh viên.

---

## 4. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu, có thể thấy tham vấn về học tập và phát triển năng lực cá nhân, định hướng nghề nghiệp được các sinh viên đặc biệt quan tâm. Điều này là do:

*Thứ nhất*, với đặc thù đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam, đa ngành đa lĩnh vực đào tạo trong xu thế phát triển của xã hội, sinh viên cũng gặp áp lực rất cao về học tập cùng với những yêu cầu khắt khe của nghề nghiệp trong tương lai.

*Thứ hai*, có không ít sinh viên vẫn chưa định hướng rõ ràng cho chuyên ngành mà mình đang theo học. Vì vậy, các em mong muốn nhận được sự tham vấn để có thể hiểu, vượt qua những khó khăn, rào cản về mặt tâm lý nhằm cải thiện thành tích học tập. Về học tập, các sinh viên mong muốn nhận được sự tham vấn nhiều nhất về phương pháp (70,2%), tự tin để trao đổi với thầy cô (39,7%) và vượt qua áp lực thi cử.

Nhiều sinh viên đang học tập ở một số ngành như Công tác xã hội, Giới và phát triển, Luật... đã nhận thức được vai trò của tham vấn là rất cần thiết và quan trọng trong cuộc sống mong muốn được tham vấn linh hoạt về hình thức, thời gian như qua mạng xã hội kết hợp với tham vấn cá nhân trực tiếp. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn có một bộ phận nhỏ các em chưa nhận thức được vai trò của tham vấn. Theo tác giả, tại các trường Đại học, Cao đẳng ở nước ngoài, bộ phận tham vấn trường học có nhiệm vụ hỗ trợ sinh viên nhằm xác định và đạt được các mục tiêu cá nhân, học tập và nghề nghiệp thông qua cung cấp tư vấn về việc phát triển, ngăn chặn và phòng ngừa các vấn đề về khó khăn tâm lý.

Vì vậy, việc thành lập phòng tham vấn hầu hết sinh viên cho là “cần thiết” và “rất cần thiết” để sinh viên có thể đến nhận được sự hỗ trợ tâm lý- xã hội khi gặp khó khăn. Phòng tham vấn giúp loại bỏ các rào cản trong học tập, quan hệ xã hội hay trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày sinh viên hiện đang theo học. Tuy nhiên hiện nay, mặc dù nhu cầu tham vấn tâm lý cao nhưng sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam vẫn còn nhiều sự e ngại khi tiếp cận với các dịch vụ tham vấn trực tiếp, sinh viên lo lắng việc đi ra vào phòng tham vấn tâm lý tại trường học có thể gây ra những hiểu lầm hoặc có những sinh viên gặp khó khăn trong việc đi lại để đảm bảo được thời gian tham vấn cũng như yêu cầu của nhà tham vấn. Chính vì vậy cần linh động các hình thức tham vấn trực tiếp và trực tuyến để tạo điều kiện và khuyến khích sinh viên tham gia.

## Tài liệu tham khảo

Trần Quỳnh Anh (2016). Dấu hiệu trầm cảm ở sinh viên hệ Y học dự phòng trường Đại học Y Hà Nội và một số yếu tố liên quan. *Tạp chí nghiên cứu Y học*, số 104, tr. 9-16.

Trần Thị Minh Đức (2009). *Giáo trình Tham vấn tâm lý*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Dương Diệu Hoa, Vũ Khánh Linh & Trần Văn Thúc (2007). Khó khăn tâm lý và nhu cầu tham vấn tâm lý của học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Tâm lý học*, số 2.
- Bùi Thị Thu Huyền (2007). Tham vấn – trị liệu tâm lý đối với học sinh có biểu hiện rối nhiễu hành vi. *Tạp chí Tâm lý học*, số 2.
- Bùi Thị Xuân Mai (2008). *Giáo trình Tham vấn*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Đặng Thị Bích Nga (2018). Thực trạng quản lý hoạt động tham vấn học đường ở các Trường Trung học cơ sở quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt kì 2, tr.21-26.
- Nguyễn Thu Thủy & Đặng Thùy Dương (2020). Nhu cầu tham vấn tâm lý của sinh viên năm nhất Trường Đại học Y Hà Nội năm 2019. *Tạp chí nghiên cứu Y học*, số 129, tr. 216-224.